

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Tháng 03 - Đợt 2

1. **Tên nhiệm vụ:** Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

2. **Ngày quan trắc:** 20 – 21/03/2024

Ngày cung cấp TT: 22/03/2024

3. **Tình trạng hoạt động của các công khi lấy mẫu:**

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của công
1	1	Công Như Trác	Công đóng.
2	2	Công Hữu Bị	Công đóng.
3	3	Công Cốc Thành	Công mở.
4	4	Công sông Chanh	Công đóng.
5	5	Công Nhâm Trảng	Công đóng.
6	6	Công Kinh Thanh	Công đóng.
7	7	Công Cô Đàm	Công mở.
8	8	Công Vĩnh Trị	Công mở.
9	12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Công đóng.
10	13	Đầu kênh CG16	Công mở.
11	16	Đập Vùa (CG12)	Đập mở.

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 20 vị trí

5. Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Người cung cấp thông tin: Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng

6. Đơn vị nhận thông tin: Cục Thủy lợi, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Hà Nam, Chi cục thủy lợi Hà Nam, Chi cục thủy lợi Nam Định.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Bảng tóm tắt:

Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2023 và số liệu khảo sát hiện trường sơ bộ nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các hạng như sau:

A – Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước (sau khi áp dụng xử lý phù hợp):

B – Sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Các vị trí đạt giới hạn trên, Cống Hữu Bị, Cống Nhâm Trảng, Cống Kinh Thanh, Đầu kênh C9, Cầu đường 10 với sông Sát, Đập An Bài (sông Châu Giang), Đập La Chợ, Đập Vua (CG12), Đầu kênh T6 .

C – Sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp), không gây mùi khó chịu: Các vị trí đạt giới hạn trên, Cống Như Trác, Cống Cốc Thành, Cống Sông Chanh, Cống Cổ Đam, Cống Vĩnh Trị, Đầu kênh T3, Đầu kênh CG 16, Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy), Đầu kênh C19 (Kênh tiêu sông Chanh).

D – Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu mức chất lượng thấp: Các vị trí đạt giới hạn trên, Đầu kênh S48, Cầu Chú (sông Châu Giang).

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)		
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6						
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5						
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4						
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2						
1	Công Như Trác	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Như Trác tưới cho khu vực Huyện Lý Nhân và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời nắng, nhiệt độ 22°C, độ ẩm 62%, mật độ mây 67%, gió TB 8 km/h. Không có dòng chảy, công đóng, trạm bơm không hoạt động. Nước màu xanh.	7.10	19.30	4.70	0.3	0.979	0.214	394	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B	
2	Công Hữu Bị	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Hữu Bị tưới cho khu vực Huyện Mỹ Lộc và phần Bắc huyện Bình Lục.	Trời nắng, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 69%, mật độ mây 86%, gió Đông Bắc 5 km/h. Công đóng, không có dòng chảy, trạm bơm không hoạt động. Nước màu xanh lục.	7.04	18.90	5.26	0.5	0.761	0.124	620	Các chi tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B	

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
3	Cống Cốc Thành	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh Cốc thành tưới cho khu vực Huyện Vụ Bản.	Trời lạnh, nhiệt độ 18°C, độ ẩm 81%, mật độ mây 100%, gió Đông 6 km/h. Dòng chảy nhanh ra sông Đào, cống mở tiêu nước. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu nâu đục.	7.17	67.90	4.86	0.4	0.707	0.239	547	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
4	Cống Sông Chanh	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tiêu sông Chanh và tưới bổ sung cho khu vực Nam huyện Vụ Bản.	Trời lạnh, nhiệt độ 18°C, độ ẩm 81%, mật độ mây 100%, gió Đông Bắc 5 km/h. Cống đóng, không có dòng chảy, trạm bơm không hoạt động, mực nước trung bình. Nước màu nâu đục.	7.02	40.80	4.79	0.5	0.544	0.214	646	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
5	Cống Nhâm Tráng	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới Nhâm	Trời lạnh, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 74%, mật độ mây 100%, gió Đông Bắc 4 km/h. Không có dòng chảy,	7.20	40.30	5.26	0.4	0.769	0.158	599	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 - 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 - 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 - 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		Tràng, tưới cho Huyện Thanh Liêm và phần phía Bắc huyện Ý Yên, bổ sung nước vào hệ thống cuối kênh Như Trác.	công đóng. Mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông, trạm bơm không hoạt động. Nước màu xanh lục.								B
6	Công Kinh Thanh	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tưới cho Huyện Thanh Liêm.	Trời lạnh, nhiệt độ 18°C, độ ẩm 77%, mật độ mây 100%, gió Đông 5 km/h. Không có dòng chảy, công đóng, mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu xanh lục.	7.10	30.20	5.30	0.4	0.699	0.113	597	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
7	Công Cổ Đam	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ	Trời lạnh, nhiệt độ 18°C, độ ẩm 77%, mật độ mây 100%, gió	7.03	82.30	4.79	0.5	0.824	0.331	614	Chỉ tiêu quan trắc hiện

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		thông kênh tưới Cỏ Đam, tưới cho Huyện Ý Yên.	Dòng 5 km/h. Dòng chảy nhanh tiêu nước ra sông Đáy. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu nâu đục.								trường DO không đạt mức B.
8	Cống Vĩnh Trị	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống kênh tưới, tiêu kết hợp, tưới cho Huyện Ý Yên và Huyện Vụ Bản.	Trời nắng, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 61%, mật độ mây 24%, gió Tây Bắc 9 km/h. Dòng chảy chậm tiêu nước ra sông Đáy. Mực nước trung bình. Nước màu nâu đục.	7.21	26.20	4.91	0.4	0.583	0.171	564	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
9	Đầu kênh T3	Đánh giá nhanh chất lượng nước trên kênh T3 là kênh trực tiếp nhận nước thải độc thành phố Nam Định.	Trời lạnh, nhiệt độ 18°C, độ ẩm 81%, mật độ mây 100%, gió Đông 6 km/h. Dòng chảy nhanh về hướng Cốc Thành. Nước màu nâu đục.	7.16	78.20	4.98	0.4	0.622	0.245	539	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 - 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 - 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 - 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		nhưng vẫn sử dụng để cấp cho tưới qua trạm bơm Cốc Thành.									
10	Đầu kênh C9	Kiểm tra chất lượng nước tưới tiêu kết hợp và nước thải từ KCN Bảo Minh, thành phố Nam Định với các ngành sản xuất: dệt, nhuộm, cơ khí, chế biến gỗ, đồ điện.	Trời lạnh, nhiệt độ 18°C, độ ẩm 81%, mật độ mây 100%, gió Đông Bắc 5 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Chanh. Mực nước trung bình. Nước màu nâu đục.	7.26	120.30	5.20	1	0.466	3.870	1210	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
11	Cầu đường 10 với sông Sắt	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu	Trời nắng, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 61%, mật độ mây 24%, gió Tây Bắc 9 km/h. Dòng chảy chậm về	7.30	26.70	5.02	0.4	0.474	0.236	509	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 - 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 - 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 - 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		kết hợp cho phía Nam Huyện Ý Yên.	hướng Vĩnh Trị, mực nước trung bình. Nước màu nâu đục.								B
12	Đập An Bái (sông Châu Giang)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống sông Sắt, tưới tiêu kết hợp cho Huyện Bình Lục.	Trời nắng, nhiệt độ 22°C, độ ẩm 62%, mật độ mây 67%, gió TB 8 km/h. Không có dòng chảy, đập đóng. Bên sông Sắt đón nhiều bèo. Nước màu nâu đục.	7.10	25.00	5.18	0.4	0.536	0.162	592	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B.
13	Đầu kênh CG 16	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống kênh tưới tiêu kết hợp và nhận nước thải từ KCN Hòa Hậu.	Trời nắng, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 69%, mật độ mây 86%, gió ĐB 5 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Châu Giang. Mực nước thấp, cống mở. Nước màu vàng lục.	7.09	50.50	4.42	0.5	0.855	3.713	682	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.
14	Đập La Chợ	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống, tưới	Trời nắng, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 68%, mật độ mây 47%, gió ĐB 5 km/h.	7.08	42.90	5.17	0.4	0.699	0.135	544	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 - 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 - 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 - 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		tiêu kết hợp cho Huyện Mỹ Lộc.	Dòng chảy chậm về nội đồng. Nước màu vàng lục.								DO đạt mức B.
15	Đầu kênh S48	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới, tiêu nông nghiệp và khu vực làng nghề mây tre đan huyện Ý Yên.	Trời nắng, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 61%, mật độ mây 24%, gió Tây Bắc 9 km/h. Nước đứng, không có dòng chảy. Mực nước trung bình. Nước màu vàng lục.	7.21	26.70	3.32	0.5	2.137	2.385	677	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.
16	Đập Vùa (CG12)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tưới cho Huyện Lý Nhân.	Trời nắng, nhiệt độ 22°C, độ ẩm 62%, mật độ mây 56%, gió TB 8 km/h. Dòng chảy chậm, đập mở hé. Nước màu nâu đục.	6.96	42.00	5.67	0.4	0.544	0.137	540	Các chi tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B.
17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải các huyện Bình Lục, Lý Nhân.	Trời nắng, nhiệt độ 22°C, độ ẩm 62%, mật độ mây 67%, gió TB 8 km/h. Không có dòng chảy.	7.06	32.00	3.50	0.4	1.313	0.941	583	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)		
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6						
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5						
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4						
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2						
			nước đứng, mực nước trung bình. Trên sông nhiều bèo. Nước màu vàng lục.									mức B
18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Đánh giá nhanh chất lượng nước hệ thống tiêu Huyện Thanh Liêm. Vị trí ô nhiễm do nhận nước thải của huyện Thanh Liêm.	Trời lạnh, nhiệt độ 18°C, độ ẩm 78%, mật độ mây 100%, gió Đông 5 km/h. Dòng chảy nhanh về hướng Cỏ Đam. Nước màu nâu đục.	7.01	56.00	4.50	0.4	0.676	0.205	593	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B	
19	Đầu kênh C19 (Kênh tiêu sông Chanh)	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống sông Chanh, tưới tiêu kết hợp cho huyện Ý Yên.	Trời lạnh, nhiệt độ 18°C, độ ẩm 81%, mật độ mây 100%, gió Đông Bắc 5 km/h. Không có dòng chảy. Cổng đóng, mực nước trung bình. Nước màu nâu đục.	6.78	79.90	4.50	0.4	0.754	1.260	596	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B	

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
20	Đầu kênh T6	Kiểm tra chất lượng nước hệ thống tưới cho khu vực huyện Vụ Bản.	Trời nắng, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 60%, mật độ mây 35%, gió Tây Bắc 10 km/h. Không có dòng chảy, nước đứng, mực nước thấp. Nước màu vàng lục.	7.16	28.00	5.60	0.4	0.458	0.387	687	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B.

Ghi chú:

QCVN 08:2023 Mức A: Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức C: Chất lượng nước xấu. Hệ sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

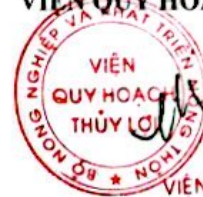
QCVN 08:2023 Mức D: Nước có chất lượng rất xấu, có thể gây ảnh hưởng lớn tới cá và các sinh vật sống trong môi trường nước do nồng độ oxy hòa tan thấp, nồng độ chất ô nhiễm cao. Nước có thể được sử dụng cho các mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp.

Nơi nhận:

- Cục Thủy lợi;
- Cty TNHH MTV KTCTTL Bắc Nam Hà;
- Cty TNHH MTV KTCTTL Hà Nam;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Hà Nam;
- Lưu phòng TN&TVQLCLN,MT.

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2024

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI



Đỗ Văn Thành